TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AA** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc A**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thành Trại**;

2. Ông **Nguyễn Hoàng Thái**;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô Đàm Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **786**/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023.

1. *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Sương A**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn*: **Trần Văn B**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp AD, xã AE, huyện AA, tỉnh Tiền Giang**.**

(Có mặt chị A, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 01/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Sương A trình bày*:

Chị và anh Trần Văn B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AC huyện AA, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/06/2011.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2021 hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân, do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, anh B hay ghen tuông vô cớ. Nay mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Chị A nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Trần Ngọc C**, sinh ngày 10/12/2011. Sau khi ly hôn, chị A yêu cầu anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có.

** Bị đơn anh Trần Văn B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các tài liệu mà chị A đã nộp cho Tòa án.*

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị A vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh B.

- Anh B vẫn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa, nhưng nhiều lần anh B đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Ly hôn*".

[3] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Sương A và anh Trần Văn B xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/06/2011.

Tại phiên tòa, chị A trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh B là vì trong thời gian chung sống anh B thường hay ghen tuông vô cớ, không cho chị có bạn bè, mặc dù chị nhiều lần giải thích và nói để anh B yên tâm, tin tưởng chị hơn. Tuy nhiên, anh B vẫn không tin, có lần do ghen mà anh đã tát vào mặt chị nhiều tát tay. Điều này làm chị không thể tha thứ cho anh B. Hơn nữa, mặc dù là vợ chồng mà đôi bên tự tạo thu nhập, tự chi tiêu, không ai biết thu nhập của ai. Vấn đề này kéo dài, làm chị A cảm thấy vợ chồng không có sự chia sẽ, tình cảm ngày càng nhạt dần. Vì những lẽ đó mà chị không muốn chung sống với anh B nữa, chị kiên quyết muốn được ly hôn với anh.

Đối với anh B, nhiều lần vắng mặt khi được Tòa án triệu tập, anh cũng không có bất kỳ phản hồi nào đối với các yêu cầu khởi kiện của chị A, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ cho anh giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, tham dư phiên tòa, … và các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị A. Từ đó cho thấy, anh B không có thiện chị hàn gắn tình cám với chị A.

Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2022, thể hiện anh B và chị A ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh B ghen tuông nhiều làm chị A không chịu được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn anh B của chị A là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên **Trần Ngọc C**, sinh ngày 10/12/2011. Từ lúc anh chị ly thân, cháu C sống cùng anh B cho đến nay. Hiện anh B làm nghề thợ hồ và cháu C cũng có nguyện vọng được sống với anh B (bút lục 23, 29). Chị A cũng đồng ý để anh B nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu C, Hội đồng xét xử xét quyết định giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị A được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do anh B chưa có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Sương A.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Sương A được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Ngọc C**, sinh ngày 10/12/2011 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị A được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021155 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- UBND xã ACH. AA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH THỊ TRÚC A